

Số: 51/TB- UBND

Kim Phượng, ngày 25 tháng 07 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai số liệu, thuyết minh quyết toán ngân sách xã và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác xã Kim Phượng năm 2022

Kính gửi: - Đảng ủy - HĐND xã Kim Phượng
- Các tổ chức Chính trị - xã hội xã Kim Phượng
- Các Ông (bà) Trưởng xóm trên địa bàn xã Kim Phượng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 26 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ vào Nghị quyết số 05/NQ - HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân xã Kim Phượng khóa II, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ sáu về phê chuẩn quyết toán ngân sách xã Kim Phượng năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 25/07/2023 của UBND xã Kim Phượng về việc công bố công khai số liệu, thuyết minh quyết toán ngân sách xã và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác xã Kim Phượng năm 2022.

Ủy ban Nhân dân xã Kim Phượng thông báo đến Đảng ủy - HĐND - các tổ chức chính trị - xã hội và các ông, bà trưởng xóm một số nội dung như sau:

1. UBND xã thực hiện việc niêm yết công khai quyết toán ngân sách xã và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác xã Kim Phượng năm 2022 bằng hình thức niêm yết tại trụ sở làm việc, trang thông tin điện tử xã Kim Phượng trang thông

tin điện tử xã Kim Phụng tại địa chỉ: <http://kimphuong.dinhhoa.thainguyen.gov.vn>
và 14 nhà văn hóa xóm.

Gồm các mẫu biểu: Biểu số 116/CKTC-NSNN; Biểu số 117/CKTC-NSNN; Biểu số 118/CKTC-NSNN; Biểu số 119/CKTC-NSNN; Biểu số 120/CKTC-NSNN và thuyết minh quyết toán ngân sách xã và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác xã Kim Phụng năm 2022 .

Thời gian niêm yết: bắt đầu từ 08 giờ 00 phút ngày 26 tháng 07 năm 2023 đến 08 giờ 00 phút ngày 26 tháng 08 năm 2023 (30 ngày liên tục).

2. Các ông (bà) Trưởng xóm thông báo trên cụm loa truyền thanh của xóm hoặc tại các buổi họp xóm về hình thức niêm yết công khai số liệu, thuyết minh quyết toán ngân sách xã và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác xã Kim Phụng năm 2022 để bà con nhân dân được biết.

Trên đây là Thông báo của UBND xã về việc niêm yết công khai số liệu, thuyết minh quyết toán ngân sách xã và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác xã Kim Phụng năm 2022. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội, các bộ phận chuyên môn và các ông, bà trưởng xóm triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Đảng ủy - HĐND;
- Các tổ chức chính trị - XH;
- 14 ông, bà trưởng xóm;
- Lưu VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trương Anh Tú

BIỂU CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số 51/TB-UBND ngày 25/07/2023 của UBND xã Kim Phượng)

Đơn vị: đồng

Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
Tổng số thu	11.911.364.846	Tổng số chi	11.877.695.381
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	908.905.175	I. Chi đầu tư phát triển	4.112.018.350
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	104.795.586	II. Chi thường xuyên	7.357.995.959
III. Thu bổ sung	10.853.637.274	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	382.866.822
- Bổ sung cân đối ngân sách	6.338.160.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	24.814.250
- Bổ sung có mục tiêu	4.515.477.274		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	44.026.811		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)			
Kết dư ngân sách	33.669.465		

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số 51/TB-UBND ngày 25/07/2023 của UBND xã Kim Phượng)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
Tổng số thu	12.146.737.085	12.096.737.085	12.023.059.332	11.911.364.846	98,98	98,47
I. Các khoản thu 100%	875.800.000	875.800.000	911.398.469	908.905.175	104,06	103,78
1. Phí, lệ phí	52.500.000	52.500.000	72.359.525	72.359.525	137,83	137,83
2. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3. Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4. Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6. Đóng góp của nhân dân theo quy định	811.600.000	811.600.000	811.600.000	811.600.000	100	100
7. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8. Thu khác	11.700.000	11.700.000	27.438.944	24.945.650	234,52	213,21
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	266.700.000	216.700.000	213.996.778	104.795.586	80,24	48,36
1. Các khoản thu phân chia	11.700.000	11.700.000	29.650.605	9.606.600	253,42	82,11
1.1. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.200.000	1.200.000	406.600	406.600	33,88	33,88
1.2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	10.500.000	10.500.000	9.200.000	9.200.000	87,62	87,62
1.4. Lệ phí trước bạ nhà, đất			20.044.005			
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	255.000.000	205.000.000	184.346.173	95.188.986	72,29	46,43

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
2.1. Thu tiền sử dụng đất	150.000.000	135.000.000	15.952.000	14.356.800	10,63	10,63
2.2. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3. Thuế tài nguyên						
2.4. Thuế giá trị gia tăng	70.000.000	70.000.000	80.832.186	80.832.186	115,47	115,47
2.5. Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6. Thuế thu nhập cá nhân	35.000.000		87.561.987		250,18	
2.7. Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn						
V. Thu kết dư ngân sách năm trước	44.026.811	44.026.811	44.026.811	44.026.811	100	100
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	10.960.210.274	10.960.210.274	10.853.637.274	10.853.637.274	99,03	99,03
1. Bổ sung cân đối ngân sách	6.347.100.000	6.347.100.000	6.338.160.000	6.338.160.000	99,86	99,86
2. Bổ sung có mục tiêu	4.613.110.274	4.613.110.274	4.515.477.274	4.515.477.274	97,88	97,88

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
 (Kèm theo Thông báo số 51/TB-UBND ngày 25/07/2023 của UBND xã Kim Phượng)

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
Tổng số chi	12.096.737.085	4.286.902.350	7.809.834.735	11.877.695.381	4.112.018.350	7.765.677.031	98,19	95,92	99,43
1. Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	931.557.900		931.557.900	931.496.946		931.496.946	99,99		99,99
1.1. Chi dân quân tự vệ	583.434.000		583.434.000	583.433.146		583.433.146	100		100
1.2. Chi trật tự an toàn xã hội	348.123.900		348.123.900	348.063.800		348.063.800	99,98		99,98
2. Chi giáo dục	300.000.000		300.000.000	86.909.839		86.909.839	28,97		28,97
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế									
5. Chi văn hóa, thông tin	1.324.819.500	1.311.979.500	12.840.000	1.324.819.500	1.311.979.500	12.840.000	100	100	100
6. Chi phát thanh, truyền thanh									
7. Chi thể dục, thể thao	300.251.000	276.500.000	23.751.000	300.251.000	276.500.000	23.751.000	100	100	100
8. Chi bảo vệ môi trường	3.000.000		3.000.000	3.000.000		3.000.000	100		100
9. Chi các hoạt động kinh tế	3.011.422.850	2.698.422.850	313.000.000	2.771.739.650	2.523.538.850	248.200.800	92,04	93,52	79,3
9.1. Giao thông	2.635.648.420	2.432.648.420	203.000.000	2.428.756.420	2.257.764.420	170.992.000	92,15	92,81	84,23
9.2. Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	275.774.430	265.774.430	10.000.000	275.773.230	265.774.430	9.998.800	100	100	99,99
9.3. Thị chính									
9.4. Thương mại, du lịch									
9.5. Các hoạt động kinh tế khác	100.000.000		100.000.000	67.210.000		67.210.000	67,21		67,21
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.916.803.435		5.916.803.435	5.842.915.424		5.842.915.424	98,75		98,75
Trong đó: Quỹ lương				4.183.071.229		4.183.071.229			

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
10.1. Quản lý Nhà nước	3.974.673.811		3.974.673.811	3.925.631.945		3.925.631.945	98,77		98,77
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	782.955.824		782.955.824	758.141.401		758.141.401	96,83		96,83
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	412.187.000		412.187.000	412.186.482		412.186.482	100		100
10.4. Đoàn Thanh niên CS HCM	149.440.000		149.440.000	149.433.260		149.433.260	100		100
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	141.340.400		141.340.400	141.328.660		141.328.660	99,99		99,99
10.6. Hội Cựu chiến binh	147.970.200		147.970.200	147.970.160		147.970.160	100		100
10.7. Hội Nông dân	124.390.000		124.390.000	124.386.916		124.386.916	100		100
10.8. Chi hỗ trợ khác (nếu có)	183.846.200		183.846.200	183.836.600		183.836.600	99,99		99,99
11. Chi cho công tác xã hội	208.882.400		208.882.400	208.881.950		208.881.950	100		100
11.1. Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	141.270.000		141.270.000	141.269.550		141.269.550	100		100
11.2. Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
11.3. Trợ cấp xã hội									
11.4. Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng									
11.5. Khác	67.612.400		67.612.400	67.612.400		67.612.400	100		100
12. Chi khác	100.000.000		100.000.000						
13. Dự phòng									
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				382.866.822		382.866.822			
15. Nộp trả ngân sách cấp trên				24.814.250		24.814.250			

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số 51/TB-UBND ngày 25/07/2023 của UBND xã Kim Phượng)

Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán năm 2022				
		Tổng số	Tr.đó: Nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn		
							Nguồn cân đối ngân sách	Vốn Xi măng	Nguồn đóng góp
Tổng số		8.750.977.289	2.322.954.032	4.112.018.350	4.112.018.350	3.613.370.240	2.256.100.000	1.044.318.350	811.600.000
1. Công trình chuyển tiếp		6.377.671.182	1.564.903.952	1.938.111.930	1.938.111.930	3.613.370.240	1.363.100.000	435.111.930	139.900.000
Đường liên gia các xóm xã Kim Phượng	01/11/2022-31/12/2022	1.133.880.092	698.768.162	435.111.930	435.111.930			435.111.930	
Đường nội đồng cầu cứng Nam Cơ	25/12/2020-09/02/2022	800.178.469		244.700.000	244.700.000	500.000.000	244.700.000		
Đường nội thôn Bản Mới xã Kim Phượng	27/9/2022-24/11/2022	252.712.000	66.997.470	19.500.000	19.500.000	233.114.530	19.500.000		
Nâng cấp đường nội thôn Bản Cải xã Kim Phượng	27/9/2022-30/11/2022	479.740.000	126.970.260	36.800.000	36.800.000	442.829.740	36.800.000		
Đường nội đồng xóm Bản Lác xã Kim Phượng	27/9/2022-16/11/2022	322.053.000	88.007.000	24.700.000	24.700.000	297.337.660	24.700.000		
Kênh mương Đồng Đa - Đồng chúa xóm Kim Tiên xã Kim Phượng	27/9/2022-04/11/2022	106.550.000	33.597.000	22.400.000	22.400.000	84.033.400	9.500.000		12.900.000
Kênh mương Pác Mương - Tổng Kệt xóm Kim Tiên xã Kim Phượng	27/9/2022-26/10/2022	50.310.000	15.862.600	20.300.000	20.300.000	29.947.400	4.500.000		15.800.000
Nhà văn hóa xóm Bản Kết	27/9/2022-13/11/2022	272.394.000	45.688.930	145.600.000	145.600.000	126.705.070	100.000.000		45.600.000

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán năm 2022				
		Tổng số	Tr.đó: Nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn		
							Nguồn cân đối ngân sách	Vốn Xi măng	Nguồn đóng góp
Nhà văn hóa xóm Bản Cải	27/9/2022-17/11/2022	327.803.000	104.310.570	100.000.000	100.000.000	227.792.430	100.000.000		
Nhà văn hóa xóm Đồng Đình	27/9/2022-18/11/2022	332.222.000	109.064.220	109.000.000	109.000.000	223.157.780	100.000.000		9.000.000
Nhà văn hóa xóm Ao Sen	22/9/2022-19/01/2022	385.201.000	156.688.820	156.600.000	156.600.000	228.512.180	100.000.000		56.600.000
Nhà văn hóa xóm Kim Tiến	27/9/2022-29/11/2022	340.452.000	117.428.000	100.000.000	100.000.000	240.423.920	100.000.000		
Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa xóm Bản Ngói	27/9/2022-31/10/2022	88.715.127		33.100.000	33.100.000	55.555.190	33.100.000		
Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa xóm Nam Cơ	27/9/2022-14/11/2022	96.230.000		39.500.000	39.500.000	56.693.000	39.500.000		
Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa xóm Bản Mới	27/9/2022-25/11/2022	105.269.000	1.520.920	50.000.000	50.000.000	53.748.080	50.000.000		
Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa xóm Thái Chi	27/9/2022-14/11/2022	107.411.453		49.300.000	49.300.000	58.031.600	49.300.000		
Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa xóm Kim Tân	27/9/2022-23/11/2022	97.147.040		45.200.000	45.200.000	51.874.040	45.200.000		
Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa xóm Phai Đá	27/9/2022-29/10/2022	83.437.736		29.800.000	29.800.000	53.614.220	29.800.000		
Nâng cấp mặt sân và mương thoát nước Sân vận động Kim Sơn	01/10/2022-31/12/2022	995.965.265		276.500.000	276.500.000	650.000.000	276.500.000		

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán năm 2022				
		Tổng số	Tr.đó: Nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn		
							Nguồn cân đối ngân sách	Vốn Xi măng	Nguồn đóng góp
2. Công trình khởi công mới		2.373.306.107	758.050.080	2.173.906.420	2.173.906.420	0	893.000.000	609.206.420	671.700.000
Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ QL3C lên sân vận động xã Kim Sơn	06/10/2022-08/01/2023	244.126.699	71965240	190.541.760	190.541.760		82.500.000	78.041.760	30.000.000
Nâng cấp, mở rộng đường GTNT Liên xóm Đồng Đình xóm Kim Sơn	23/9/202-11/11/2022	788.520.241	195.503.380	730.442.620	730.442.620		301.100.000	254.342.620	175.000.000
Nâng cấp, mở rộng đường liên xóm Bản Cải (giai đoạn 2)xã Kim Phụng	23/9/2022-08/11/2022	604.871.031	203.786.390	575.968.110	575.968.110		194.200.000	178.068.110	203.700.000
Kênh mương Bản Lác - Bản Lanh - Bản Ngòi, xã Kim Phụng	16/10/2022-10/12/2022	234.477.355	48.236.570	223.074.430	223.074.430		115.200.000	59.874.430	48.000.000
Nhà văn hoá xóm Kim Sơn, xã Kim Phụng	22/9/2022-17/11/2022	501.310.781	238.558.500	453.879.500	453.879.500		200.000.000	38.879.500	215.000.000

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022*(Kèm theo Thông báo số 51/TB-UBND ngày 25/07/2023 của UBND xã Kim Phương)**Đơn vị tính: Đồng*

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM 2022			THỰC HIỆN NĂM 2022		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG CỘNG	208.055.000	233.000.000	-24.945.000	1.089.497.853	1.090.137.927	-640.074
1. Hoạt động quỹ công chuyên dùng	208.055.000	233.000.000	-24.945.000	205.448.000	231.765.423	-26.317.423
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa	27.665.000	103.000.000	-75.335.000	27.095.000	103.600.423	-76.505.423
- Quỹ bảo trợ trẻ em	12.390.000	17.000.000	-4.610.000	12.230.000	12.300.000	-70.000
- Quỹ vì người nghèo	38.615.000	8.000.000	30.615.000	37.683.000	14.250.000	24.433.000
- Quỹ Vì hạnh phúc người mù	6.985.000	5.000.000	1.985.000	6.885.000	4.500.000	2.385.000
- Quỹ chăm sóc người cao tuổi	29.060.000	29.000.000	60.000	28.840.000	26.200.000	2.640.000
- Quỹ chữ thập đỏ	27.090.000	9.000.000	18.090.000	26.620.000	8.900.000	17.720.000
- Quỹ da cam	12.400.000	2.000.000	10.400.000	12.200.000	1.000.000	11.200.000
- Phòng chống thiên tai	24.500.000	31.000.000	-6.500.000	25.045.000	32.165.000	-7.120.000
- Quỹ Khuyến học	29.350.000	29.000.000	350.000	28.850.000	28.850.000	
2. Chi hộ				884.049.853	858.372.504	25.677.349
- Các khoản chi hộ				884.049.853	858.372.504	25.677.349

Kim Phượng, ngày 25 tháng 07 năm 2023

THUYẾT MINH

**Quyết toán ngân sách xã và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác
xã Kim Phượng năm 2022**

Đề thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2022 mà nghị quyết HĐND xã Kim Phượng tại kỳ họp thứ ba khóa II nhiệm kỳ 2022-2026 đã đề ra. Ngay từ đầu năm dưới sự lãnh đạo sát sao của Đảng ủy, sự giám sát tích cực của HĐND xã cùng với sự chỉ đạo của chính quyền địa phương, việc thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà Nước và từng bước cải cách hành chính trong việc điều hành dự toán ngân sách Nhà Nước năm 2022, kết quả thực hiện năm 2022 như sau:

I. Tình hình chung:

Thực hiện Quyết định số 7686/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND huyện Định Hoá Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 huyện Định Hóa và các Quyết định bổ sung dự toán ngân sách xã năm 2023. Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND xã về giao dự toán ngân sách nhà nước xã Kim Phượng năm 2022. Trong năm 2022 công tác thu, chi ngân sách gặp không ít khó khăn, thách thức. Tình hình thời tiết diễn biến bất thường, ảnh hưởng của dịch bệnh covid, giá cả một số mặt hàng trên thị trường có nhiều biến động đã ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống nhân dân. Song được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của huyện ủy, UBND huyện, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự điều hành của chính quyền và sự phối hợp của MTTQ, các đoàn thể, đặc biệt là sự nỗ lực của toàn Đảng bộ và nhân dân, tập trung huy động mọi nguồn lực, tranh thủ mọi thời cơ để thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh tế - xã hội, đảm bảo ổn định đời sống của nhân dân trong các lĩnh vực công tác y tế, giáo dục, văn hóa và an sinh xã hội.

II. Tình hình thực hiện thu chi ngân sách và kết quả hoạt động tài chính khác của xã.

Ngay từ khi nhận quyết định giao chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội năm 2022 của UBND huyện. UBND xã Kim Phượng đã căn cứ vào các chỉ tiêu thu, chi ngân sách năm 2022 của Huyện giao, xây dựng dự toán thu, chi cho các ban ngành đoàn thể trình HĐND xã Kim Phượng phân bổ dự toán thu, chi cho từng bộ phận và niêm yết công khai dự toán thu, chi theo quy định của Luật Ngân sách.

Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, thông qua tại hội nghị Cán bộ công chức và được sự đồng thuận nhất trí cao của cán bộ để cùng tổ chức thực hiện.

Mục tiêu và nhiệm vụ kinh tế tài chính trong năm ngân sách của xã là đảm bảo chi lương, phụ cấp, các hoạt động chi thường xuyên đáp ứng nhiệm vụ chính trị, công tác an ninh, quốc phòng giữ vững trật tự an ninh trong địa phương.

Chi xây dựng và sửa chữa các công trình phúc lợi trọng điểm cho nhân dân, xây dựng cơ sở hạ tầng đường giao thông nông thôn và kênh mương nội đồng.

Chi hỗ trợ phát triển sản xuất nâng cao đời sống của nhân dân theo chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

Chi đảm bảo công tác xã hội, người có công trên địa bàn xã.

1. Kết quả thu, chi ngân sách năm 2022:

- Dự toán thu, chi giao đầu năm : 6.109.000.000 đồng

- Dự toán thu, chi bổ sung trong năm: 5.987.737.085 đồng

STT	Nội dung (*)	Số tiền	Ghi chú
I	Đầu tư phát triển	4.151.902.350	
1	Kết dư ngân sách năm trước chuyển sang (Nguồn tiền đất năm 2020, 2021)	18.784.000	
2	Nguồn ngân sách hỗ trợ xây dựng NTM	3.321.518.350	
-	<i>Bổ sung từ nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ địa phương mua xi măng XD kết cấu hạ tầng NTM năm 2021</i>	435.111.930	TB 487 số ngày 07/04/2022
-	<i>Kinh phí hỗ trợ các công trình Nhà văn hóa xã Kim Phụng</i>	746.900.000	TB số 823 ngày 02/06/2022
-	<i>Bổ sung có mục tiêu ngân sách hỗ trợ xây dựng NTM năm 2022</i>	150.000.000	TB số 1395 ngày 26/08/2022
-	<i>Bổ sung từ nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ địa phương mua xi măng XD kết cấu hạ tầng NTM năm 2022</i>	609.206.420	TB số 2526 ngày 27/12/2022
-	<i>Kinh phí chuyển nguồn thực hiện hỗ trợ xây dựng NTM</i>	244.700.000	TB số 1413 ngày 30/08/2021
-	<i>Bổ sung có mục tiêu ngân sách thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2022 (Mã CTMT : 0492)</i>	832.500.000	TB số 1392 ngày 26/08/2022
-	<i>Bổ sung có mục tiêu ngân sách thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2022 (Mã CTMT : 0492)</i>	303.100.000	TB số 2330 ngày 02/12/2022
3	Nguồn đóng góp nhân dân	811.600.000	
II	Chi thường xuyên	1.835.834.735	
1	Kết dư ngân sách năm trước chuyển sang (Kinh phí hỗ trợ cán bộ nghỉ chờ hưu theo NQ 02: 24.814.250đ, kinh phí dự phòng: 301.500,đ ngân sách xã: 127.061đ)	25.242.811	
2	Kinh phí hỗ trợ người điều trị do nhiễm covid-19 (F0) và người cách ly y tế để phòng, chống dịch Covid -19	43.280.000	TB số 567 ngày 06/05/2022
3	Kinh phí thực hiện công tác an toàn giao thông năm 2022	5.000.000	TB số 632 ngày 20/05/2022
4	Kinh phí cán bộ nghỉ chờ hưu thực hiện Nghị quyết số 18/2021	60.095.574	TB số 1271 ngày 09/08/2022
5	Kinh phí hỗ trợ lực lượng cộng tác viên thú y cơ sở năm 2022	24.585.000	TB số 1246 ngày 04/08/2022
6	Hỗ trợ chi phí hỏa táng theo NQ 26/2021	12.000.000	TB số 1278 ngày 09/08/2022

7	Giảm dự toán chi ngân sách để bổ sung nguồn cải cách tiền lương	(2.000.000)	TB số 1278 ngày 09/08/2022
8	Kinh phí thực hiện quản lý, trông coi, quét dọn di tích năm 2022	2.000.000	TB số 1320 ngày 16/08/2022
9	Bổ sung cân đối ngân sách (Lương, phụ cấp công chức biệt phái tăng thêm)	519.000.000	TB số 1341 ngày 18/08/2022
10	Hỗ trợ nhân rộng mô hình phân loại chất thải tại nguồn; Hỗ trợ phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu... tại xã Kim Phượng, huyện Định Hóa mã CTMT: 0497)	100.000.000	TB số 1682 ngày 29/09/2022
11	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch năm 2022	100.000.000	TB số 1683 ngày 29/09/2022
12	Kinh phí khắc phục, sửa chữa các công trình bị thiệt hại do thiên tai gây ra	158.000.000	TB số 1838 ngày 17/10/2022
13	Bổ sung kinh phí dự phòng ngân sách thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh Covid -19 năm 2022	100.000.000	TB số 1838 ngày 17/10/2022
14	Trợ cấp một lần đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, xóm đôi dư theo NQ số 05/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của HĐND tỉnh Thái Nguyên	175.156.950	TB số 2139 ngày 17/11/2022
15	Kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ công an xã bán chuyên trách năm 2022	10.430.000	TB số 2139 ngày 17/11/2022
16	Kinh phí tăng thêm hỗ trợ thực hiện CVĐ " Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM"	21.667.000	TB số 2139 ngày 17/11/2022
17	Kinh phí tăng thêm thực hiện chi trả chế độ bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của xóm năm 2022	29.167.000	TB số 2139 ngày 17/11/2022
18	Kinh phí tăng thêm đối với cán bộ xã, thi trấn theo NĐ 108/2021 (hưu xã)	24.948.000	TB số 2139 ngày 17/11/2022
19	Kinh phí sự nghiệp giáo dục đào tạo hỗ trợ sửa chữa công trường THCS Kim Phượng (Khu trung tâm và điểm trường Kim Sơn)	300.000.000	TB số 2425 ngày 14/12/2022
20	Vốn sự nghiệp thực hiện dự án 1 Chương trình MTQG phát triển KT- XH vùng ĐBDTTS và miền núi năm 2022 (mã CTMT 0511)	3.000.000	TB số 2523 ngày 27/12/2022
21	Bổ sung có mục tiêu thực hiện các nhiệm vụ chính trị phát sinh	61.400.000	TB số 2525 ngày 27/12/2022
22	Kinh phí hỗ trợ, khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra	59.862.400	TB số 2525 ngày 27/12/2022
23	Chuyển tạm ứng thành cấp phát kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do ảnh hưởng đại dịch Covid-19 theo NQ 68/NQ-CP	3.000.000	Quyết định 6805/QĐ-UBND ngày 30/12/2022
	Tổng cộng	5.987.737.085	

- Tổng dự toán thu chi ngân sách xã năm 2022: 12.096.737.085 đồng

*** Tổng thu ngân sách năm 2022: 11.911.364.946/12.096.737.085 đồng.**

Trong đó :

- Các khoản thu xã hưởng 100%: $908.905.175/875.800\text{đồng}=103,78\%$ so DT
- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %: $104.795.586/216.700.000\text{đ} = 48.36\%$ so với dự toán. Chỉ tiêu này đạt thấp do tỷ lệ thu tiền sử dụng đất thực hiện: $14.356.800/135.000.000\text{đ} = 10,63\%$ so với dự toán giao.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: $10.853.637.274/10.960.210.274\text{đ} = 99,86\%$ so với dự toán giao. Do trong năm có các khoản nộp trả ngân sách cấp trên.
- Thu kết dư ngân sách năm trước: $44.026.811/44.026.811\text{đ}= 100\%$ so DT.

Tổng thu ngân sách năm 2022 đạt 98,47% so với kế hoạch.

*** Tổng chi ngân sách năm 2022: 11.877.695.381/12.096.737.085 đồng.**

- Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 4.112.018.350 đồng
- Chi thường xuyên: 7.357.995.959 đồng.
- Chi chuyển nguồn sang năm sau: 382.866.822 đồng
- Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 24.814.250 đồng

Năm 2022 tổng chi ngân sách đạt 98,19% so với dự toán.

*** Kết dư ngân sách: 33.669.465 đồng.**

- Nguồn tiền đất: 31.140.800. Trong đó:
 - + Tiền đất năm 2020: 4.434.000
 - + Tiền đất năm 2021: 12.350.000
 - + Tiền đất năm 2022: 14.356.800
- Ngân sách xã: 2.528.665

Nhìn chung năm 2022 việc đáp ứng các khoản chi thường xuyên theo chế độ đều được đảm bảo và không để xảy ra tình trạng nợ đọng như lương, sinh hoạt phí và các khoản chi phục vụ nhiệm vụ chính trị trên địa bàn xã.

Các khoản chi cho các hoạt động lớn phát sinh trong năm đều được đảm bảo.

2. Kết quả hoạt động tài chính khác của xã năm 2022

Tồn đầu kỳ: 220.397.751 đồng

Tổng thu năm 2022: 1.089.497.853 đồng

Tổng chi năm 2022: 1.090.137.927 đồng

Tồn cuối kỳ: 219.757.677 đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ	Tổng số thu	Tổng số chi	Số còn lại
A	B	1	2	3	4
1	Hoạt động quỹ công chuyên dùng	203.753.100	205.448.000	231.765.423	177.435.677
	- Quỹ an ninh quốc phòng	500			500
	- Quỹ đền ơn đáp nghĩa	81.034.500	27.095.000	103.600.423	4.529.077
	- Quỹ bảo trợ trẻ em	1.995.000	12.230.000	12.300.000	1.925.000
	- Quỹ vì người nghèo	70.457.000	37.683.000	14.250.000	93.890.000
	- Quỹ vì hạnh phúc người mù	560.000	6.885.000	4.500.000	2.945.000
	- Quỹ xây dựng trường chuẩn quốc gia	1.320.000			1.320.000
	- Quỹ chăm sóc người cao tuổi	40.000	28.840.000	26.200.000	2.680.000
	- Quỹ chữ thập đỏ	30.579.000	26.620.000	8.900.000	48.299.000
	- Quỹ chất độc da cam	100.000	12.200.000	1.000.000	11.300.000
	- Bảo vệ và phát triển rừng	7.850.000			7.850.000
	- Phòng chống thiên tai	7.120.000	25.045.000	32.165.000	
	- Xã hội hóa	2.697.100			2.697.100
	- Quỹ Khuyến học		28.850.000	28.850.000	
2	Chi hộ	16.644.651	884.049.853	858.372.504	42.322.000
	- Tiền điện hộ nghèo		178.332.600	178.332.600	
	- Tiền công thủy nông		51.630.000	51.630.000	
	- Tiếp xúc cử tri		1.200.000	1.200.000	
	- Xóa nhà tạm, dột nát		360.000.000	360.000.000	
	- Bảo hiểm xã hội	16.644.651	195.707.253	212.029.904	322.000
	- Huy Hiệu Đảng		55.180.000	55.180.000	
	- Hỗ trợ công tác thu hồi đất Đường Kim Sơn – Kim Phụng		42.000.000		42.000.000
Tổng cộng:		220.397.751	1.089.497.853	1.090.137.927	219.757.677

Các loại quỹ đóng góp của nhân dân được Đảng Ủy - HĐND - UBND giao cho Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã phối hợp cùng các ban ngành đoàn thể và các cấp hội xây dựng kế hoạch và phát động thu các loại quỹ.

Trong năm Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã đã chỉ đạo thôn, khu dân cư tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân thu đúng, thu đủ các loại quỹ theo quy định, toàn bộ số tiền quỹ thu được trong năm đều được nộp vào tài khoản tiền gửi của đơn vị tại Kho bạc Nhà nước không để tiền mặt tồn tại quỹ. Kết quả thực hiện như sau:

Công tác quản lý nguồn thu, chi từ các nguồn quỹ công chuyên dùng được thực hiện theo Thông tư số 118/2000/TT-BTC. Nội dung thu chi, mức thu chi và phương thức thu chi quỹ thực hiện theo quy định của Nhà nước đối với từng quỹ và quy định của Hội đồng nhân dân xã. Ủy ban nhân dân xã trực tiếp quản lý các quỹ trên (thực hiện thu, chi; tổ chức hạch toán, quyết toán riêng từng quỹ) và thực hiện công khai đúng quy định. Tiền của các quỹ chưa sử dụng hết trong năm được chuyển sang năm sau.

Khoản chi hỗ trợ công tác thu hồi đất Đường Kim Sơn – Kim Phụng chưa thực hiện do chưa có Quyết định hồi đất tuyến đường Kim Sơn – Kim Phụng.

III. Thuận lợi, khó khăn, kiến nghị đề xuất:

1. Những thuận lợi :

Được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của ủy ban nhân dân huyện và các phòng ban chuyên môn, sự hướng dẫn tận tình của các cán bộ, nhân viên chi cục thuế khu vực Phú Lương Định Hóa về công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã; Được sự lãnh đạo của kịp thời của cấp Ủy Đảng, sự chỉ đạo sát xao của Ủy ban nhân dân cùng sự phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể các kế hoạch đều được thực hiện tốt đúng theo các mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra.

Công tác điều hành ngân sách ở xã có nhiều đổi mới, chủ động, kịp thời và phát huy được việc quản lý thu- chi đúng Luật ngân sách.

Việc giao dự toán ngân sách hàng năm được công khai minh bạch, kịp thời, đúng qui định, đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, phát huy được tính chủ động trong điều hành ngân sách, giúp cho việc quản lý nguồn kinh phí của nhà nước được sử dụng đúng mục đích, an toàn, tiết kiệm, tránh lãng phí.

Hàng tháng các bộ phận thụ hưởng ngân sách xây dựng kế hoạch hoạt động, dự trù kinh phí để Ban tài chính chủ động tham mưu cho lãnh đạo UBND, bố trí nguồn kinh phí, trong việc điều hành ngân sách chi trả chế độ tiền lương, phụ cấp, các khoản chế độ chính sách được kịp thời cũng như đảm bảo kinh phí hoạt động của các ban, ngành và giải quyết một số vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch.

Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành đoàn thể, các cấp hội trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, đẩy nhanh tiến độ và hiệu quả công việc.

2. Về mặt hạn chế

Bên cạnh những mặt đạt được về công tác điều hành thu ngân sách năm 2022 thì công tác thực hiện thu ngân sách một số khoản chưa đạt kết quả cao, các chỉ tiêu thu tỷ lệ đạt chưa đồng đều, có chỉ tiêu thu đạt còn thấp so với kế hoạch như chỉ tiêu thu tiền sử dụng đất. Do thực hiện chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19, thực hiện công tác bảo đảm giãn cách xã hội, giữ khoảng cách giữa người với người, cộng đồng với cộng đồng nên ảnh hưởng đến nguồn thu của địa phương.

Trên đây là thuyết minh quyết toán ngân sách xã và kết quả hoạt động tài chính khác xã Kim Phượng năm 2022./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trương Anh Tú